#

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Yêu cầu cần đạt** |
| – Địa lí và cuộc sống | – Nêu được vai trò của Địa lí trong cuộc sống. |
| BẢN ĐỒ: PHƯƠNG TIỆN THỂ HIỆN BỀ MẶT TRÁI ĐẤT |
| * Hệ thống kinh vĩ tuyến. Toạ độ địa lí của một địa điểm trên bản đồ
* Các yếu tố cơ bản của bản đồ
* Các loại bản đồ thông dụng
* Lược đồ trí nhớ
 | * Xác định được trên bản đồ và trên quả Địa Cầu: kinh tuyến gốc, xích đạo, các bán cầu; ghi được tọa độ địa lí của một địa điểm trên bản đồ.
* Nhận biết được một số lưới kinh vĩ tuyến của bản đồ thế giới.
* Biết đọc các kí hiệu bản đồ và chú giải bản đồ hành chính, bản đồ địa hình.
* Biết xác định hướng trên bản đồ và tính khoảng cách thực tế giữa hai địa điểm trên bản đồ theo tỉ lệ bản đồ.
* Biết đọc bản đồ, xác định được vị trí của đối tượng địa lí trên bản đồ.
* Biết tìm đường đi trên bản đồ.
* Vẽ được lược đồ trí nhớ thể hiện các đối tượng địa lí thân quen đối với cá nhân học sinh.
 |
| TRÁI ĐẤT – HÀNH TINH CỦA HỆ MẶT TRỜI |
| * Vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời
* Hình dạng, kích thước Trái Đất
* Chuyển động của Trái Đất và hệ quả địa lí
 | * Xác định được vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời.
* Mô tả được hình dạng, kích thước Trái Đất.
* Mô tả được chuyển động của Trái Đất (quanh trục và quanh Mặt Trời).
* Xác định được phương hướng ngoài thực tế dựa vào quan sát hiện tượng tự nhiên hoặc dùng địa bàn.
 |

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Yêu cầu cần đạt** |
|  | * Nhận biết được giờ địa phương/giờ khu vực, so sánh được giờ của hai địa điểm trên Trái Đất.
* Trình bày được hiện tượng ngày đêm luân phiên nhau và mô tả được sự lệch hướng chuyển động của vật thể theo chiều kinh tuyến.
* Trình bày được hiện tượng ngày đêm dài ngắn theo mùa.
 |
| CẤU TẠO CỦA TRÁI ĐẤT. VỎ TRÁI ĐẤT |
| * Cấu tạo của Trái Đất
* Các mảng kiến tạo
* Hiện tượng động đất, núi lửa và sức phá hoại của các tai biến thiên nhiên này
* Quá trình nội sinh và ngoại sinh. Hiện tượng tạo núi
* Các dạng địa hình chính
* Khoáng sản
 | * Trình bày được cấu tạo của Trái Đất gồm ba lớp.
* Xác định được trên lược đồ các mảng kiến tạo lớn, đới tiếp giáp của hai mảng xô vào nhau.
* Trình bày được hiện tượng động đất, núi lửa và nêu được nguyên nhân của hiện tượng này.
* Biết tìm kiếm thông tin về các thảm hoạ thiên nhiên do động đất và núi lửa gây ra.
* Phân biệt được quá trình nội sinh và ngoại sinh.
* Trình bày được tác động đồng thời của quá trình nội sinh và ngoại sinh trong hiện tượng tạo núi.
* Phân biệt được các dạng địa hình chính trên Trái Đất.
* Biết đọc lược đồ địa hình tỉ lệ lớn và lát cắt địa hình đơn giản.
* Kể được tên một số loại khoáng sản.
 |
| KHÍ HẬU VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU |

|  |  |
| --- | --- |
| * Các tầng khí quyển. Thành phần không khí
* Các khối khí. Khí áp và gió
* Nhiệt độ và mưa. Thời tiết, khí hậu
* Sự biến đổi khí hậu và biện pháp ứng phó
 | * Mô tả được các tầng khí quyển, đặc điểm chính của tầng đối lưu và tầng bình lưu; hiểu được vai trò của oxy, hơi nước và khí carbonic.
* Kể được tên và nêu được đặc điểm về nhiệt độ, độ ẩm của một số khối khí.
* Trình bày được sự phân bố các đai khí áp và các loại gió thổi thường xuyên trên Trái Đất.
* Trình bày được sự thay đổi nhiệt độ bề mặt Trái Đất theo vĩ độ.
* Mô tả được hiện tượng hình thành mây, mưa.
* Biết cách sử dụng nhiệt kế, ẩm kế, khí áp kế.
* Phân biệt được thời tiết và khí hậu.
* Trình bày được khái quát đặc điểm của một trong các đới khí hậu.
* Phân tích được biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa; xác định được đặc điểm về nhiệt độ và lượng mưa của một số địa điểm trên bản đồ khí hậu thế giới.
* Nêu được một số biểu hiện của biến đổi khí hậu.
* Trình bày được một số biện pháp phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.
 |
| NƯỚC TRÊN TRÁI ĐẤT |
| * Các thành phần chủ yếu của thuỷ quyển
* Vòng tuần hoàn nước
* Sông, hồ và việc sử dụng nước sông, hồ
 | * Kể được tên được các thành phần chủ yếu của thuỷ quyển.
* Mô tả được vòng tuần hoàn lớn của nước.
* Mô tả được các bộ phận của một dòng sông lớn; mối quan hệ giữa
 |

|  |  |
| --- | --- |
| * Biển và đại dương. Một số đặc điểm của môi trường biển
* Nước ngầm và băng hà
 | mùa lũ của sông với các nguồn cấp nước sông.* Nêu được tầm quan trọng của việc sử dụng tổng hợp nước sông, hồ.
* Xác định được trên bản đồ các đại dương thế giới.
* Trình bày được các hiện tượng sóng, thuỷ triều, dòng biển.
* Nêu được sự khác biệt về nhiệt độ và độ muối giữa vùng biển nhiệt đới và vùng biển ôn đới.
* Nêu được tầm quan trọng của nước ngầm và băng hà.
 |
| ĐẤT VÀ SINH VẬT TRÊN TRÁI ĐẤT |
| * Lớp đất trên Trái Đất. Thành phần của đất
* Các nhân tố hình thành đất
* Một số nhóm đất điển hình ở các đới thiên nhiên trên Trái Đất
* Sự sống trên hành tinh
* Sự phân bố các đới thiên nhiên
* Rừng nhiệt đới
 | * Nêu được các tầng đất và các thành phần chính của đất.
* Trình bày được một số nhân tố hình thành đất.
* Kể được tên và xác định được trên bản đồ một số nhóm đất điển hình ở vùng nhiệt đới hoặc ở vùng ôn đới.
* Nêu được ví dụ về sự đa dạng của thế giới sinh vật ở lục địa và ở đại dương.
* Xác định được trên bản đồ sự phân bố các đới thiên nhiên trên thế giới.
* Trình bày được đặc điểm của rừng nhiệt đới.
* Biết cách tìm hiểu môi trường tự nhiên qua tài liệu và tham quan địa phương.
 |

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Yêu cầu cần đạt** |
| CON NGƯỜI VÀ THIÊN NHIÊN |
| * Dân số thế giới
* Sự phân bố dân cư thế giới
* Con người và thiên nhiên
* Bảo vệ tự nhiên, khai thác thông minh các tài nguyên vì sự phát triển bền vững
 | * Đọc được biểu đồ quy mô dân số thế giới.
* Trình bày và giải thích được đặc điểm phân bố dân cư trên thế giới.
* Xác định được trên bản đồ một số thành phố đông dân nhất thế giới.
* Nêu được các tác động của thiên nhiên lên hoạt động sản xuất và sinh hoạt của con người.
* Trình bày được những tác động chủ yếu của loài người lên thiên nhiên Trái Đất.
* Nêu được ý nghĩa của việc bảo vệ tự nhiên và khai thác thông minh các tài nguyên vì sự phát triển bền vững. Liên hệ thực tế địa phương.
* Biết cách tìm hiểu môi trường tự nhiên qua tài liệu và tham quan địa phương.
 |

# LỚP 7 ĐỊA LÍ

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Yêu cầu cần đạt** |
| CHÂU ÂU |
| – Vị trí địa lí, phạm vi châu Âu | – Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước |
|  | châu Âu. |
| – Đặc điểm tự nhiên | – Phân tích được đặc điểm các khu vực địa hình chính của châu Âu, |
|  | đặc điểm phân hoá khí hậu; xác định được trên bản đồ các sông lớn |
|  | Rhein (Rainơ), Danube (Đanuyp), Volga (Vonga); các đới thiên nhiên. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Yêu cầu cần đạt** |
| * Đặc điểm dân cư, xã hội
* Phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên
* Khái quát về Liên minh châu Âu (EU)
 | * Trình bày được đặc điểm của cơ cấu dân cư, di cư và đô thị hoá ở châu Âu.
* Lựa chọn và trình bày được một vấn đề bảo vệ môi trường ở châu Âu.
* Nêu được dẫn chứng về Liên minh châu Âu (EU) như một trong bốn trung tâm kinh tế lớn trên thế giới.
 |
| CHÂU Á |
| – Vị trí địa lí, phạm vi châu Á | – Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước |
|  | châu Á. |
| – Đặc điểm tự nhiên | – Trình bày được một trong những đặc điểm thiên nhiên châu Á, |
|  | ý nghĩa của đặc điểm này đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên. |
|  | – Xác định được trên bản đồ các khu vực địa hình và các khoáng sản |
|  | chính ở châu Á. |
| – Đặc điểm dân cư, xã hội | – Trình bày được đặc điểm dân cư, tôn giáo; sự phân bố dân cư và các |
|  | đô thị lớn. |
| – Bản đồ chính trị châu Á; các khu vực của châu Á | – Xác định được trên bản đồ chính trị các khu vực của châu Á. |
|  | – Trình bày được đặc điểm tự nhiên của một trong các khu vực ở châu Á. |
| – Các nền kinh tế lớn và kinh tế mới nổi ở châu Á | – Biết cách sưu tầm tư liệu và trình bày về một trong các nền kinh tế |
|  | lớn và nền kinh tế mới nổi của châu Á (ví dụ: Trung Quốc, Nhật Bản, |
|  | Hàn Quốc, Singapore). |
| CHÂU PHI |

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Yêu cầu cần đạt** |
| – Vị trí địa lí, phạm vi châu Phi | – Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước |
|  | châu Phi. |
| – Đặc điểm tự nhiên | – Phân tích được một trong những đặc điểm thiên nhiên châu Phi; một trong những vấn đề môi trường trong sử dụng thiên nhiên (ví dụ: |
|  | vấn đề săn bắn và buôn bán động vật hoang dã, lấy ngà voi, sừng tê giác,...). |
| – Đặc điểm dân cư, xã hội | – Trình bày được một trong những vấn đề nổi cộm về dân cư, xã hội và di sản lịch sử châu Phi (ví dụ: vấn đề nạn đói, vấn đề xung đột |
|  | quân sự,...). |
| – Phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên | – Trình bày được cách thức người dân châu Phi khai thác thiên nhiên ở các môi trường khác nhau. |
| – Khái quát về Cộng hoà Nam Phi | – Biết cách sưu tầm tư liệu và trình bày được một số sự kiện lịch sử về |
|  | Cộng hoà Nam Phi trong mấy thập niên gần đây. |
| CHÂU MỸ |
| – Vị trí địa lí, phạm vi châu Mỹ | – Trình bày khái quát về vị trí địa lí, phạm vi châu Mỹ. |
| – Phát kiến ra châu Mỹ | – Phân tích được các hệ quả địa lí – lịch sử của việc Christopher |
|  | Colombus phát kiến ra châu Mỹ (1492 – 1502). |
| – Đặc điểm tự nhiên, dân cư, xã hội của các khu | ***Bắc Mỹ:*** |
| vực châu Mỹ (Bắc Mỹ, Trung và Nam Mỹ) | – Trình bày được một trong những đặc điểm của tự nhiên: sự phân hoá |
| – Phương thức con người khai thác, sử dụng và | của địa hình, khí hậu; sông, hồ; các đới thiên nhiên. |
| bảo vệ thiên nhiên ở các khu vực châu Mỹ | – Phân tích được một trong những vấn đề dân cư, xã hội: vấn đề nhập |

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Yêu cầu cần đạt** |
|  | cư và chủng tộc, vấn đề đô thị hoá.* Phân tích được phương thức con người khai thác tự nhiên bền vững.
* Xác định được trên bản đồ một số trung tâm kinh tế quan trọng.

***Trung và Nam Mỹ:**** Trình bày được sự phân hoá tự nhiên theo chiều Đông – Tây, theo chiều Bắc – Nam và theo chiều cao (trên dãy núi Andes); đặc điểm của rừng nhiệt đới Amazon.
* Trình bày được đặc điểm nguồn gốc dân cư Trung và Nam Mỹ, vấn đề đô thị hoá, văn hoá Mỹ Latinh.
* Phân tích được vấn đề khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên thông qua trường hợp rừng Amazon.
 |
| CHÂU ĐẠI DƯƠNG |
| * Vị trí địa lí, phạm vi châu Đại Dương
* Đặc điểm thiên nhiên của các đảo, quần đảo và lục địa Australia
* Một số đặc điểm dân cư, xã hội và phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên
 | * Xác định được các bộ phận của châu Đại Dương; vị trí địa lí, hình dạng và kích thước lục địa Australia.
* Xác định được trên bản đồ các khu vực địa hình và khoáng sản. Phân tích được đặc điểm khí hậu Australia, những nét đặc sắc của tài nguyên sinh vật ở Australia.
* Trình bày được đặc điểm dân cư, một số vấn đề về lịch sử và văn hoá độc đáo của Australia.
* Phân tích được phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở Australia.
 |

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Yêu cầu cần đạt** |
| CHÂU NAM CỰC |
| * Vị trí địa lí của châu Nam Cực
* Lịch sử phát kiến châu Nam Cực
* Đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của châu Nam Cực
 | * Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí của châu Nam Cực.
* Trình bày được lịch sử khám phá và nghiên cứu châu Nam Cực.
* Trình bày được đặc điểm thiên nhiên nổi bật của châu Nam Cực.
* Mô tả được kịch bản về sự thay đổi của thiên nhiên châu Nam Cực khi có biến đổi khí hậu toàn cầu.
 |

CHỦ ĐỀ CHUNG

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Yêu cầu cần đạt** |
| CÁC CUỘC ĐẠI PHÁT KIẾN ĐỊA LÍ |
| – Nguyên nhân của các cuộc phát kiến địa lí | – Giải thích được nguyên nhân và những yếu tố tác động đến các cuộc |
|  | đại phát kiến địa lí. |
| – Một số cuộc đại phát kiến địa lí | – Mô tả được các cuộc đại phát kiến địa lí: Christopher Colombus tìm |
|  | ra châu Mỹ (1492 – 1502), cuộc thám hiểm của Ferdinand Magellan |
|  | vòng quanh Trái Đất (1519 – 1522). |
| – Tác động của các cuộc đại phát kiến địa lí đối với | – Phân tích được tác động của các cuộc đại phát kiến địa lí đối với |
| tiến trình lịch sử | tiến trình lịch sử. |
| ĐÔ THỊ: LỊCH SỬ VÀ HIỆN TẠI (1) |

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Yêu cầu cần đạt** |
| – Các đô thị cổ đại và các nền văn minh cổ đại | – Phân tích được các điều kiện địa lí và lịch sử góp phần hình thành và |
|  | phát triển một đô thị cổ đại và trung đại (qua một số trường hợp cụ thể). |
| – Các đô thị trung đại châu Âu và giới thương nhân | – Trình bày được mối quan hệ giữa đô thị với các nền văn minh |
|  | cổ đại; vai trò của giới thương nhân với sự phát triển đô thị châu Âu |
|  | trung đại. |

# LỚP 8

ĐỊA LÍ

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Yêu cầu cần đạt** |
| ĐẶC ĐIỂM VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ PHẠM VI LÃNH THỔ VIỆT NAM |
| – Đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ | – Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí. |
| – Ảnh hưởng của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đối với sự hình thành đặc điểm địa lí tự nhiên Việt Nam | – Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đối với sự hình thành đặc điểm địa lí tự nhiên Việt Nam. |
| ĐẶC ĐIỂM ĐỊA HÌNH VÀ KHOÁNG SẢN VIỆT NAM |
| * Đặc điểm chung của địa hình
* Các khu vực địa hình. Đặc điểm cơ bản của từng khu vực địa hình
* Ảnh hưởng của địa hình đối với sự phân hoá tự
 | * Trình bày được một trong những đặc điểm chủ yếu của địa hình Việt Nam.
* Trình bày được đặc điểm của các khu vực địa hình: địa hình đồi núi; địa hình đồng bằng; địa hình bờ biển và thềm lục địa.
* Tìm được ví dụ chứng minh ảnh hưởng của sự phân hoá địa hình đối
 |

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Yêu cầu cần đạt** |
| nhiên và khai thác kinh tế– Đặc điểm chung của tài nguyên khoáng sản Việt Nam. Các loại khoáng sản chủ yếu | với sự phân hoá lãnh thổ tự nhiên và khai thác kinh tế.* Trình bày và giải thích được đặc điểm chung của tài nguyên khoáng sản Việt Nam.
* Phân tích được đặc điểm phân bố các loại khoáng sản chủ yếu và vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên khoáng sản.
 |
| ĐẶC ĐIỂM KHÍ HẬU VÀ THUỶ VĂN VIỆT NAM |
| * Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, phân hoá đa dạng
* Tác động của biến đổi khí hậu đối với khí hậu và thuỷ văn Việt Nam
* Đặc điểm sông ngòi. Chế độ nước sông của một số hệ thống sông lớn
* Hồ, đầm và nước ngầm
* Vai trò của tài nguyên khí hậu và tài nguyên nước đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của nước ta
 | * Trình bày được đặc điểm khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa của Việt Nam.
* Vẽ và phân tích được biểu đồ khí hậu của một số trạm thuộc các vùng khí hậu khác nhau.
* Chứng minh được sự phân hoá đa dạng của khí hậu Việt Nam.
* Phân tích được tác động của biến đổi khí hậu đối với khí hậu và thuỷ văn Việt Nam.
* Tìm ví dụ về giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu.
* Xác định được trên bản đồ lưu vực của các hệ thống sông lớn.
* Phân tích được đặc điểm mạng lưới sông và chế độ nước sông của một số hệ thống sông lớn.
* Phân tích được vai trò của hồ, đầm và nước ngầm đối với sản xuất và sinh hoạt.
* Phân tích được ảnh hưởng của khí hậu đối với sản xuất nông nghiệp.
* Phân tích được vai trò của khí hậu đối với sự phát triển du lịch ở một
 |

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Yêu cầu cần đạt** |
|  | số điểm du lịch nổi tiếng của nước ta.– Lấy ví dụ chứng minh được tầm quan trọng của việc sử dụng tổng hợp tài nguyên nước ở một lưu vực sông. |
| ĐẶC ĐIỂM THỔ NHƯỠNG VÀ SINH VẬT VIỆT NAM |
| * Đặc điểm chung của lớp phủ thổ nhưỡng
* Đặc điểm và sự phân bố của các nhóm đất chính
* Vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên đất ở Việt Nam
* Đặc điểm chung của sinh vật
* Vấn đề bảo tồn đa dạng sinh học ở Việt Nam
 | * Chứng minh được tính chất nhiệt đới gió mùa của lớp phủ thổ nhưỡng.
* Trình bày được đặc điểm phân bố của ba nhóm đất chính.
* Phân tích được đặc điểm của đất feralit và giá trị sử dụng đất feralit trong sản xuất nông, lâm nghiệp.
* Phân tích được đặc điểm của đất phù sa và giá trị sử dụng của đất phù sa trong sản xuất nông nghiệp, thuỷ sản.
* Chứng minh được tính cấp thiết của vấn đề chống thoái hoá đất.
* Chứng minh được sự đa dạng của sinh vật ở Việt Nam.
* Chứng minh được tính cấp thiết của vấn đề bảo tồn đa dạng sinh học ở Việt Nam.
 |
| BIỂN ĐẢO VIỆT NAM |
| * Vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên vùng biển đảo Việt Nam
* Các vùng biển của Việt Nam ở Biển Đông
 | * Xác định được trên bản đồ phạm vi Biển Đông, các nước và vùng lãnh thổ có chung Biển Đông với Việt Nam.
* Trình bày được đặc điểm tự nhiên vùng biển đảo Việt Nam.
* Xác định được trên bản đồ các mốc xác định đường cơ sở, đường
 |

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Yêu cầu cần đạt** |
| – Môi trường và tài nguyên biển đảo Việt Nam | phân chia vịnh Bắc Bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc; trình bày được các khái niệm vùng nội thuỷ, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa của Việt Nam (theo Luật Biển Việt Nam).* Nêu được đặc điểm môi trường biển đảo và vấn đề bảo vệ môi trường biển đảo Việt Nam.
* Trình bày được các tài nguyên biển và thềm lục địa Việt Nam.
 |

CHỦ ĐỀ CHUNG

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Yêu cầu cần đạt** |
| VĂN MINH CHÂU THỔ SÔNG HỒNG VÀ SÔNG CỬU LONG (1) |
| * Quá trình hình thành và phát triển châu thổ; chế độ nước của các dòng sông chính
* Quá trình con người khai khẩn và cải tạo châu thổ, chế ngự các dòng sông
 | * Trình bày được quá trình hình thành và phát triển châu thổ; mô tả được chế độ nước của các dòng sông chính.
* Trình bày được quá trình con người khai khẩn và cải tạo châu thổ, chế ngự và thích ứng với chế độ nước của sông Hồng và sông Cửu Long.
 |
| BẢO VỆ CHỦ QUYỀN, CÁC QUYỀN VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA VIỆT NAM Ở BIỂN ĐÔNG (1) |
| * Phạm vi các vùng biển và hải đảo Việt Nam
* Đặc điểm môi trường và tài nguyên biển, đảo
* Quá trình xác lập chủ quyền biển đảo trong lịch sử Việt Nam
 | * Xác định được vị trí, phạm vi của vùng biển và hải đảo Việt Nam (theo Luật Biển Việt Nam).
* Trình bày được những nét chính về môi trường, tài nguyên thiên nhiên; phân tích được những thuận lợi và khó khăn đối với phát triển kinh tế và bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.
* Trình bày được quá trình xác lập chủ quyền biển đảo của Việt Nam trong lịch sử.
 |

# LỚP 9 ĐỊA LÍ

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Yêu cầu cần đạt** |
| **ĐỊA LÍ DÂN CƯ VIỆT NAM** |
| * Thành phần dân tộc
* Gia tăng dân số ở các thời kì
* Cơ cấu dân số theo tuổi và giới tính
* Phân bố dân cư
* Các loại hình quần cư thành thị và nông thôn
* Lao động và việc làm
* Chất lượng cuộc sống
 | * Trình bày được đặc điểm phân bố các dân tộc Việt Nam.
* Vẽ và nhận xét được biểu đồ về gia tăng dân số.
* Phân tích được sự thay đổi cơ cấu tuổi và giới tính của dân cư.
* Đọc bản đồ Dân số Việt Nam để rút ra được đặc điểm phân bố dân cư.
* Trình bày được sự khác biệt giữa quần cư thành thị và quần cư nông thôn.
* Phân tích được vấn đề việc làm ở địa phương.
* Nhận xét được sự phân hoá thu nhập theo vùng từ bảng số liệu cho trước.
 |
| **ĐỊA LÍ CÁC NGÀNH KINH TẾ** |
| NÔNG, LÂM, THUỶ SẢN |
| * Các nhân tố chính ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông, lâm, thuỷ sản
* Sự phát triển và phân bố nông, lâm, thuỷ sản
 | * Phân tích được một trong các nhân tố chính ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp.
* Phân tích được đặc điểm phân bố tài nguyên rừng và nguồn lợi thuỷ sản.
 |

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Yêu cầu cần đạt** |
| – Vấn đề phát triển nông nghiệp xanh | * Trình bày được sự phát triển và phân bố nông, lâm, thuỷ sản.
* Tìm kiếm thông tin, viết báo cáo ngắn về một số mô hình sản xuất nông nghiệp có hiệu quả.
* Trình bày được ý nghĩa của việc phát triển nông nghiệp xanh.
 |
| CÔNG NGHIỆP |
| * Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp
* Sự phát triển và phân bố của các ngành công nghiệp chủ yếu
* Vấn đề phát triển công nghiệp xanh
 | * Phân tích được vai trò của một trong các nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp.
* Trình bày được sự phát triển và phân bố của một trong các ngành công nghiệp chủ yếu.
* Xác định được trên bản đồ các trung tâm công nghiệp chính.
* Giải thích được tại sao cần phát triển công nghiệp xanh.
 |
| DỊCH VỤ |
| * Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ
* Giao thông vận tải và bưu chính viễn thông
* Thương mại, du lịch
 | * Phân tích được vai trò của một trong các nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ.
* Xác định được trên bản đồ các tuyến đường bộ huyết mạch, các tuyến đường sắt, các cảng biển lớn và các sân bay quốc tế chính.
* Trình bày được sự phát triển ngành bưu chính viễn thông.
* Phân tích được một số xu hướng phát triển mới trong ngành thương mại và du lịch.
 |

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Yêu cầu cần đạt** |
| **SỰ PHÂN HOÁ LÃNH THỔ** |
| VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ |
| * Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ
* Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên
* Các đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của vùng
* Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành kinh tế của vùng
 | *–* Xác định được trên bản đồ vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng.* Trình bày được đặc điểm phân hoá thiên nhiên giữa Đông Bắc và Tây Bắc; các thế mạnh để phát triển công nghiệp, lâm – nông – thuỷ sản, du lịch.
* Vẽ được sơ đồ tư duy thể hiện các thế mạnh về tự nhiên để phát triển kinh tế – xã hội của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
* Nhận xét được đặc điểm nổi bật về thành phần dân tộc, phân bố dân cư và chất lượng cuộc sống dân cư (sử dụng bản đồ và bảng số liệu).
* Trình bày được sự phát triển và phân bố một trong các ngành kinh tế của vùng (sử dụng bản đồ và bảng số liệu).
 |
| VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG |
| * Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ
* Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên
* Các đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của vùng
 | * Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng.
* Phân tích được thế mạnh của vùng về tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển nông – lâm – thuỷ sản; vấn đề phát triển kinh tế biển.
* Phân tích được đặc điểm dân cư, nguồn lao động và ảnh hưởng của các nhân tố này đến sự phát triển kinh tế – xã hội của vùng.
* Phân tích được vấn đề đô thị hoá ở Đồng bằng sông Hồng; vị thế của Thủ đô Hà Nội.
 |

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Yêu cầu cần đạt** |
| * Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành kinh tế của vùng
* Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ
 | * Trình bày được sự phát triển và phân bố kinh tế ở vùng Đồng bằng sông Hồng (sử dụng bản đồ và bảng số liệu).
* Sưu tầm tư liệu và trình bày được về vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.
 |
| VÙNG BẮC TRUNG BỘ |
| * Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ
* Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên
* Các đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của vùng
* Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành kinh tế của vùng
 | * Xác định được trên bản đồ vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng.
* Trình bày được đặc điểm phân hoá của tự nhiên và giải thích ảnh hưởng của tự nhiên đến sự hình thành cơ cấu kinh tế của vùng.
* Trình bày được vấn đề phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu ở Bắc Trung Bộ.
* Trình bày và giải thích được đặc điểm phân bố dân cư ở vùng Bắc Trung Bộ.
* Phân tích được sự phát triển và phân bố kinh tế ở vùng Bắc Trung Bộ (sử dụng bản đồ và bảng số liệu).
* Phân tích được thế mạnh về du lịch ở vùng Bắc Trung Bộ.
* Phân tích được vấn đề phát triển kinh tế biển ở vùng Bắc Trung Bộ.
 |
| VÙNG DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ |
| * Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ
* Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên
 | * Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng.
* Phân tích được đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên, các thế mạnh và hạn chế chính.
 |

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Yêu cầu cần đạt** |
| * Các đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của vùng
* Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành kinh tế của vùng
* Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung
 | * Trình bày được sự phân bố dân cư, dân tộc.
* Phân tích được những chuyển biến trong sự phát triển và phân bố kinh tế của vùng.

*–* Phân tích được sự phát triển của một số ngành kinh tế thế mạnh của vùng (sử dụng bản đồ và bảng số liệu).* Sử dụng sơ đồ tư duy để phân tích được ảnh hưởng của nạn hạn hán và sa mạc hoá đối với sự phát triển kinh tế – xã hội ở vùng khô hạn Ninh Thuận – Bình Thuận.
* Trình bày được về vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.
 |
| VÙNG TÂY NGUYÊN |
| * Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ
* Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên
* Các đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của vùng
* Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành kinh tế của vùng
 | * Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng.
* Trình bày được các thế mạnh và hạn chế về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng.
* Nhận xét được đặc điểm dân cư, văn hoá của các dân tộc Tây Nguyên.
* Trình bày được sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế thế mạnh của vùng Tây Nguyên; các vấn đề môi trường trong phát triển.
 |
| VÙNG ĐÔNG NAM BỘ |
| * Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ
* Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài
 | * Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng.
* Phân tích được các thế mạnh và hạn chế về điều kiện tự nhiên và tài
 |

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Yêu cầu cần đạt** |
| nguyên thiên nhiên* Các đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của vùng
* Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành kinh tế của vùng
* Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam
 | nguyên thiên nhiên của vùng.* Trình bày được đặc điểm về dân cư, đô thị hoá ở vùng Đông Nam Bộ.
* Trình bày được sự phát triển và phân bố một trong các ngành kinh tế thế mạnh của vùng (sử dụng bản đồ và bảng số liệu).
* Phân tích được ý nghĩa của việc tăng cường kết nối liên vùng đối với sự phát triển của vùng.
* Phân tích được vị thế của Thành phố Hồ Chí Minh.
* Tìm kiếm thông tin, viết báo cáo ngắn về sự phát triển của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.
 |
| VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG |
| * Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ
* Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên
* Các đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của vùng
* Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành kinh tế của vùng
* Vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long
 | * Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng.
* Phân tích được các thế mạnh và hạn chế về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng.
* Phân tích được đặc điểm dân cư; một số vấn đề xã hội của vùng.
* Trình bày được sự phát triển và phân bố một số ngành kinh tế thế mạnh của vùng (sử dụng bản đồ và bảng số liệu).
* Tìm hiểu thông tin và phân tích được tác động của biến đổi khí hậu đối với Đồng bằng sông Cửu Long; đề xuất giải pháp ứng phó.
* Trình bày được về vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long.
 |

|  |
| --- |
| PHÁT TRIỂN TỔNG HỢP KINH TẾ VÀ BẢO VỆ TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐẢO |
| – Biển và đảo Việt Nam | – Trình bày được trên sơ đồ các vùng biển quốc gia; xác định trên bản đồ các huyện đảo và các tỉnh có các huyện đảo đó. |
| – Phát triển tổng hợp kinh tế biển | – Trình bày được nội dung phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển; ý nghĩa của việc phát triển tổng hợp kinh tế biển đảo đối với việc bảo |
|  | vệ tài nguyên, môi trường và giữ vững chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông. |
| – Khai thác tài nguyên và bảo vệ môi trường | – Phân tích được vấn đề khai thác tài nguyên, bảo vệ môi trường và |
| biển đảo | giữ vững chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông. |

|  |
| --- |
|  CHỦ ĐỀ CHUNG ĐÔ THỊ: LỊCH SỬ VÀ HIỆN TẠI (2) |
| -Các đô thị hiện đại-Xu hướng đô thị hoá trên thế giới-Đô thị hoá ở Việt Nam; đô thị và phát triển vùng | * Trình bày được vai trò của đô thị đối với sự phát triển vùng với tư cách là trung tâm quyền lực và kinh tế của vùng, đất nước, khu vực.
* Mô tả được quá trình đô thị hoá thời kì xã hội công nghiệp và hậu công nghiệp.
* Nêu được tác động của đô thị hoá đối với sự phát triển kinh tế – xã hội.
 |
| VĂN MINH CHÂU THỔ SÔNG HỒNG VÀ SÔNG CỬU LONG (2) |
| * Văn minh các dòng sông
* Biến đổi khí hậu và biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu ở vùng châu thổ của hai đồng bằng hiện đại
 | * Trình bày được những nét đặc sắc về văn hoá ở châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long thông qua việc tìm hiểu về văn minh các dòng sông.
* Phân tích được những biểu hiện của biến đổi khí hậu ở hai vùng châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long.
* Nêu được tác động của biến đổi khí hậu đối với sự phát triển kinh tế – xã hội ở châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long.
* Đề xuất được ở mức độ đơn giản một số biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu liên quan đến vùng châu thổ của hai đồng bằng hiện đại.
 |
| BẢO VỆ CHỦ QUYỀN, CÁC QUYỀN VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA VIỆT NAM Ở BIỂN ĐÔNG (2) |
| – Chứng cứ lịch sử, pháp lí về chủ quyền biển đảo của Việt Nam | – Trình bày được những chứng cứ lịch sử, pháp lí về chủ quyền biển đảo Việt Nam. |